

健行科技大學考試規則

Chien Hsin University of Science and Technology Examination Rules QUY ĐỊNH THI CỬ TẠI ĐẠI HỌC KHOA HỌC KỸ THUẬT KIẾN HÀNH Peraturan Ujian Universitas Sains dan Teknologi Chien Hsin

中華民國 114 年 11 月 14 日教務會議訂定通過

Passed by the Academic Affairs Meeting on November 14, 114 (Year 2025)

Được thông qua tại phiên họp Hội đồng Giáo vụ ngày 14 tháng 11 năm 114 (năm 2025)

Disahkan dalam Rapat Akademik pada 14 November 114 (Tahun 2025)

第1條 健行科技大學(以下簡稱本校)為維護考試公平及試場秩序，特訂定「健行科技大學考試規則」(以下簡稱本規則)。

Article 1: Chien Hsin University of Science and Technology (hereinafter referred to as "the University") has specifically established the "Chien Hsin University of Science and Technology Examination Rules" (hereinafter referred to as "these Rules") to maintain examination fairness and order in the examination venue.

Điều 1: Quy định này được ban hành nhằm duy trì tính công bằng của kỳ thi và trật tự phòng thi tại Trường Đại học Khoa học Kỹ thuật Kiến Hành (sau đây gọi tắt là "Quy định này").

Pasal 1: Universitas Sains dan Teknologi Chien Hsin (selanjutnya disebut "Universitas") menetapkan "Peraturan Ujian Universitas Sains dan Teknologi Chien Hsin" (selanjutnya disebut "Peraturan Ini") secara khusus untuk menjaga keadilan ujian dan ketertiban ruang ujian.

第2條 本規則適用各學制期中考試與期末考試。

Article 2: These Rules apply to midterm and final exam n for all academic systems.

Điều 2: Quy định này áp dụng cho tất cả các kỳ thi giữa kỳ và cuối kỳ của mọi hệ đào tạo trong toàn trường.

Pasal 2: Peraturan ini berlaku untuk ujian tengah semester dan ujian akhir semester bagi semua jenjang pendidikan di universitas.

第3條 任課教師應自行監考。如有特殊事由無法監考者，應自行協調其他教師代理。學生應服從監考人員之督導。

Article 3: Course instructors shall proctor the exams themselves. If they are unable to proctor due to special reasons, they must coordinate with another instructor to substitute. Students must obey the supervision of the proctors.

Điều 3: Giảng viên bộ môn có trách nhiệm trực tiếp coi thi. Trường hợp có lý do đặc biệt không thể tham gia coi thi, giảng viên phải tự sắp xếp giảng viên khác thay thế. Sinh viên có trách nhiệm tuân thủ sự hướng dẫn của cán bộ coi thi.

Pasal 3: Dosen pengampu mata kuliah wajib mengawasi ujian secara langsung. Jika ada alasan khusus yang menyebabkan tidak dapat mengawasi ujian, dosen harus mengatur dosen lain

sebagai pengganti. Mahasiswa wajib mematuhi arahan petugas pengawas ujian.

第4條 學生須於規定之考試時間到場，並攜帶學生證備供查驗。遲到20分鐘者，不得入場；開始考試後30分鐘內不得離場。但教師有特別規定者，不在此限。

Article 4: Students must arrive at the designated time and bring their Student ID for inspection. Those more than 20 minutes late are not allowed to enter; students may not leave within 30 minutes after the exam begins. However, this restriction does not apply if the instructor has special regulations.

Điều 4: Sinh viên phải có mặt tại địa điểm thi theo thời gian quy định và mang theo Thẻ sinh viên để phục vụ công tác kiểm tra. Sinh viên đến muộn quá 20 phút sẽ không được phép vào phòng thi. Sinh viên không được rời khỏi phòng thi trong vòng 30 phút đầu kể từ khi bắt đầu tính giờ làm bài. *(Ngoại trừ trường hợp giảng viên có quy định riêng biệt).*

Pasal 4: Mahasiswa harus hadir di tempat ujian pada waktu yang telah ditentukan dan membawa Kartu Tanda Mahasiswa (KTM) untuk pemeriksaan. Mahasiswa yang terlambat lebih dari 20 menit tidak diperbolehkan masuk; mahasiswa tidak diperbolehkan meninggalkan ruangan dalam waktu 30 menit setelah ujian dimulai. Namun, pembatasan ini tidak berlaku jika dosen memiliki ketentuan khusus.

第5條 學生除應用文具外，不得攜帶電子產品、書籍、講義、筆記、紙張或其他參考資料入場。但教師有特別規定者，不在此限。

Article 5: Except for necessary stationery, students are not allowed to bring electronic products, books, handouts, notes, paper, or other reference materials into the venue. However, this restriction does not apply if the instructor has special regulations.

Điều 5: Ngoài các dụng cụ viết cần thiết, sinh viên không được mang thiết bị điện tử, sách, bài giảng, laptop, sổ ghi chép, giấy nháp hoặc bất kỳ tài liệu tham khảo nào khác vào phòng thi *(Ngoại trừ trường hợp giảng viên có quy định riêng biệt).*

Pasal 5: Selain alat tulis yang diperlukan, mahasiswa dilarang membawa produk elektronik, buku, materi kuliah/diktat, catatan, kertas, atau bahan referensi lainnya ke dalam ruang ujian. Namun, hal ini tidak berlaku jika dosen memiliki ketentuan khusus.

第6條 學生考試期間，因病住院或特殊事故未能參加考試者，悉依本校「學生請假規則」辦理。

Article 6: During the examination period, students who are unable to take the exam due to hospitalization for illness or special accidents shall be handled in accordance with the University's "Student Leave Regulation."

Điều 6: Trong thời gian thi, sinh viên nghỉ thi do nằm viện vì bệnh lý hoặc sự cố đặc biệt sẽ được giải quyết theo "Quy định xin nghỉ phép sinh viên" của Nhà trường.

Pasal 6: Selama masa ujian, mahasiswa yang tidak dapat mengikuti ujian karena rawat inap akibat sakit atau kejadian khusus akan diproses sesuai dengan "Peraturan Cuti Mahasiswa" yang berlaku di Universitas.

第7條 學生應遵守試場規則，如有下列各款違規情事者，試卷作廢，該科該次考試成績以零分計算，並依本校「學生獎懲辦法」記大過一次：

- 一、擅自調動座位，企圖作弊者。
- 二、在桌椅或牆壁抄襲答案者。
- 三、互相傳遞或相互交談者。
- 四、窺看書籍或夾帶者。
- 五、偷看他人試卷或以試卷示人者。
- 六、其它合乎考試作弊之行為者。

Article 7: Students must comply with the examination venue rules. If any of the following violations occur, the exam paper will be invalidated, the score for that subject will be calculated as zero, and one Major Demerit will be recorded in accordance with the University's "Student Rewards and Disciplinary Regulations":

- 1.Unauthorized changing of seats with the attempt to cheat.
- 2.Copying answers onto desks, chairs, or walls.
- 3.Passing items to each other or talking to each other.
- 4.Peeking at books or smuggling in materials.
- 5.Peeking at others' exam papers or showing one's own exam paper to others.
- 6.Other behaviors that constitute cheating on exams.

Điều 7: Sinh viên phải tuân thủ các quy định tại phòng thi, nếu vi phạm các quy định phòng thi sau đây sẽ bị hủy bỏ kết quả thi (tính điểm 0 cho môn học đó) và bị ghi “Một lỗi lớn” theo "Quy định khen thưởng và xử phạt sinh viên":

- 1.Tự ý thay đổi vị trí chỗ ngồi với ý đồ gian lận.
- 2.Viết hoặc sao chép đáp án lên mặt bàn, ghế hoặc tường.
- 3.Truyền tin, tài liệu hoặc trao đổi với người khác trong phòng thi.
- 4.Xem sách hoặc mang theo tài liệu quay cốp.
- 5.Nhìn bài của người khác hoặc cố ý cho người khác xem bài của mình.
- 6.Các hành vi khác được xác định là gian lận trong thi cử.

Pasal 7: Mahasiswa wajib mematuhi peraturan ruang ujian. Jika melakukan pelanggaran berikut, lembar jawaban ujian akan dinyatakan tidak sah (dibatalkan), nilai mata kuliah pada ujian tersebut dihitung nol, dan akan dicatat sanksi "Satu Peringatan Besar" sesuai dengan "Peraturan Penghargaan dan Hukuman" bagi Mahasiswa.

1. Mengubah tempat duduk tanpa izin dengan tujuan untuk menyontek/berbuat curang.
2. Menyalin jawaban di meja, kursi, atau dinding.
3. Saling mengoper barang atau berbicara satu sama lain.
4. Mengintip buku atau membawa catatan selundupan.

5. Mengintip lembar jawaban orang lain atau memperlihatkan lembar jawaban sendiri kepada orang lain.
6. Perilaku lain yang termasuk dalam kategori kecurangan ujian.

第8條 學生如有下列情形之一者，依本校「學生獎懲辦法」予以退學處分：

- 一、竊取學校試題者。
- 二、冒名頂替考試者。
- 三、請他人代替考試者。

Article 8: If a student commits any of the following circumstances, they shall be subject to Expulsion in accordance with the University's "Student Rewards and Disciplinary Regulations":

1. Stealing university exam questions.
2. Assuming another's identity to take the exam.
3. Asking someone else to take the exam on their behalf.

Điều 8: Sinh viên vi phạm một trong các lỗi sau đây sẽ bị kỷ luật mức ĐUỔI HỌC theo "Quy định khen thưởng và xử phạt sinh viên"

1. Đánh cắp đề thi của Nhà trường.
2. Mạo danh người khác để tham gia thi cử.
3. Nhờ người khác thi thay.

Pasal 8: Mahasiswa yang melakukan salah satu hal berikut akan dikenakan sanksi "Dikeluarkan" (Drop Out) sesuai dengan "Peraturan Penghargaan dan Hukuman Mahasiswa":

1. Mencuri soal ujian sekolah.
2. Menggunakan identitas orang lain/palsu untuk mengikuti ujian (joki).
3. Meminta orang lain untuk menggantikan ujian.

第9條 本規則未盡之處，悉依本校相關規定辦理。

Article 9: Matters not covered in these Rules shall be handled in accordance with relevant University regulations.

Điều 9: Những vấn đề chưa được quy định cụ thể tại văn bản này sẽ được thực hiện căn cứ theo các quy định hiện hành có liên quan của Nhà trường.

Pasal 9: Hal-hal yang belum diatur dalam peraturan ini akan ditangani sesuai dengan peraturan terkait di Universitas.

第10條 本規則經教務會議通過，陳請校長核定後公告實施，修正時亦同。

Article 10: These Rules are implemented after being passed by the Academic Affairs Meeting and approved by the President; the same applies to amendments.

Điều 10: Quy định này đã được Hội đồng Giáo vụ thông qua, trình Hiệu trưởng phê duyệt và chính thức công bố thực hiện; đối với các nội dung sửa đổi, bổ sung sau này cũng sẽ áp dụng quy trình tương tự.

Pasal 10: Peraturan ini dilaksanakan setelah disahkan melalui Rapat Akademik dan disetujui oleh Rektor; prosedur yang sama berlaku untuk perubahan amandemen.